

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2011/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2011

THÔNG TƯ**Hướng dẫn các biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống bệnh dịch tả lợn, cụ thể như sau:

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về phòng bệnh, chống bệnh dịch tả lợn và trách nhiệm của các cơ quan, chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động chăn nuôi lợn; vận chuyển, giết mổ, buôn bán lợn và các sản phẩm có nguồn gốc từ lợn; động vật khác cảm nhiễm với bệnh dịch tả lợn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lợn mang trùng: Là trường hợp lợn mang mầm bệnh, nhưng không có biểu hiện triệu chứng lâm sàng của bệnh.
2. Ca bệnh dịch tả lợn: Là các trường hợp lợn nhiễm vi rút dịch tả lợn và phát thành bệnh với các triệu chứng lâm sàng và bệnh tích mổ khám bộc lộ rõ, có thể phát hiện thấy bằng mắt thường.
3. Ổ dịch tả lợn: Là sự xuất hiện của một hoặc nhiều ca bệnh dịch tả lợn ở địa bàn một trang trại chăn nuôi hoặc một thôn, ấp.
4. Vùng có dịch tả lợn: là vùng có nhiều ổ dịch dịch tả lợn đã được cơ quan thú y có thẩm quyền xác định.

Điều 4. Bệnh dịch tả lợn

1. Khái niệm bệnh: **Bệnh dịch tả lợn** (Classical Swine Fever) là bệnh truyền nhiễm của loài lợn, gây ra bởi một loại vi rút có cấu trúc ARN thuộc giống *Pesti vi rút*, họ *Flaviridae*. Bệnh chỉ xảy ra ở loài lợn (kể cả lợn nhà và lợn rừng) với các thể cấp tính, á cấp tính, mạn tính hoặc dạng không điển hình. Mức độ trầm trọng của bệnh tùy thuộc vào độc lực của vi rút, tuổi của động vật mắc cảm và thời gian nhiễm bệnh. Lợn trưởng thành thường bị bệnh ít trầm trọng hơn và cũng có nhiều cơ hội phục hồi hơn so với lợn con. Bệnh dịch tả lợn có tốc độ lây lan rất nhanh và tỷ lệ chết đến 90% và thường ghép với bệnh khác như bệnh Phó thương hàn, Tụ huyết trùng, Đóng dấu lợn, bệnh do Mycoplasma.

Bệnh dịch tả lợn được phát hiện lần đầu tiên năm 1810 ở Tennessee, ổ dịch đầu tiên được ghi nhận tại bang Ohio Mỹ năm 1833, đến nay đã xuất hiện ở nhiều nước trên thế giới. Hiện nay, bệnh dịch tả lợn vẫn là mối đe dọa nguy hiểm cho ngành chăn nuôi lợn ở nhiều nước trên thế giới.

Ở nước ta, bệnh dịch tả lợn được phát hiện vào các năm 1923 - 1924, đến nay vẫn tồn tại phổ biến ở một số nơi. Từ những năm 1980, với việc tiêm phòng vắc xin gây miễn dịch cho đàn lợn đã khống chế được các đợt dịch lớn. Tuy nhiên, cho đến nay bệnh vẫn tồn tại và xảy ra rải rác ở những nơi có lợn không được tiêm phòng hoặc tiêm phòng không đúng kỹ thuật. Hiện nay, bệnh vẫn là mối đe dọa lớn đối với ngành chăn nuôi lợn, gây khó khăn cho việc chăn nuôi hàng hóa và xuất khẩu.

Bệnh dịch tả lợn ở nước ta xảy ra quanh năm, tuy nhiên do thời tiết thay đổi (thể hiện rõ ở miền Bắc) và do biến động của đàn lợn trong năm nên bệnh có lúc tăng lúc giảm. Ngoài ra, bệnh dịch tả lợn còn phụ thuộc rất nhiều vào tỷ lệ tiêm phòng, lợn lớn đã có miễn dịch bị giết mổ, lợn con thay đàn bổ sung vào chưa kịp tiêm phòng làm cho tỷ lệ lợn miễn cảm trong đàn tăng lên. Việc tiêm phòng theo mùa vụ và tiêm phòng bổ sung thường xuyên góp phần ổn định và hạn chế dịch bệnh rất nhiều, nhưng trong sản xuất thực tế do nhiều lý do nên việc tiêm phòng chưa thực hiện đúng quy định, vì vậy dịch tả lợn vẫn xảy ra vào các tháng trong năm.

2. Tác nhân gây bệnh dịch tả lợn: do vi rút (*Tortoi suis*) thuộc họ *Flaviridae*, giống *Pesti vi rút*, có quan hệ mật thiết với vi rút gây bệnh tiêu chảy ở bò và vi rút gây bệnh *Border* ở cừu. Cho đến nay chỉ có một serotype của vi rút DTL đã được xác định.

Vi rút DTL có sức đề kháng yếu, mặc dù có khả năng tồn tại lâu ở ngoại cảnh (trong phân gia súc vi rút có thể sống sót trong vài ngày, sống lâu ở các sản phẩm thịt, thịt lợn đông lạnh và chính những sản phẩm này là nguồn gieo rắc bệnh nguy hiểm về mặt dịch tễ học), tuy nhiên vi rút dễ bị tiêu diệt bởi các chất sát trùng thông thường như xút (NaOH) 2%, nước vôi 5%. Ở nhiệt độ cao vi rút bị tiêu diệt nhanh.

Vi rút dịch tả lợn có thể sống vài tháng đến vài năm trong thịt đông lạnh. Thông qua con đường thương mại, vận chuyển, vi rút có trong các sản phẩm của lợn có thể du nhập vào các nước hoặc các vùng đang an toàn dịch. Lợn miễn cảm có thể nhiễm khi ăn phải thức ăn có chứa vi rút như các thành phần phụ phẩm của quá trình giết mổ hoặc thức ăn thừa, chất thải từ nhà bếp không qua xử lý.

3. Nguồn bệnh và quá trình truyền lây của dịch tả lợn

a) Loài mắc bệnh: Bệnh dịch tả lợn có ở mọi lứa tuổi, loài lợn, nhưng mắc mạnh nhất là lợn con 2-3 tháng tuổi, ở lợn dưới 2 tháng, kháng thể được truyền qua bào thai của mẹ, qua sữa đầu. Vì vậy, thời kỳ này ít bị nhiễm bệnh hơn. Trong phòng thí nghiệm dùng lợn con làm động vật thí nghiệm.

b) Chất chứa Vi rút: Các chất bài tiết, dịch tiết, máu, hạch lâm ba, lách lợn bệnh có chứa vi rút. Máu của những con vật nung bệnh, sau 24 giờ có khả năng gây bệnh. Những con khỏi bệnh sau 2 tháng vẫn bài thải mầm bệnh ra ngoài.

c) Đường truyền lây: Vi rút xâm nhập chủ yếu qua đường tiêu hóa, qua niêm mạc, qua vết thương ở da và một phần qua hệ thống hô hấp. Thường lây trực tiếp từ con ốm sang con khỏe, qua thức ăn, nước uống, gián tiếp qua các chất bài tiết, dụng

cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển hay do các động vật khác mang mầm bệnh truyền lây.

4. Triệu chứng, bệnh tích của bệnh dịch tả lợn

a) Triệu chứng:

Thời gian nung bệnh từ 3-7 ngày và bệnh có thể xuất hiện ở một trong 3 thể:

Thể quá cấp tính (còn gọi là bệnh dịch tả lợn trắng): Bệnh xuất hiện đột ngột, không có triệu chứng ban đầu (tiền chứng), con vật ủ rũ, bỏ ăn, sốt cao 41 - 42°C, con vật dầy dụa rồi chết nhanh trong vòng 24 - 48 giờ. Diễn biến trong vòng 1 - 2 ngày, tỷ lệ chết tới 100%.

Thể cấp tính: Lợn ủ rũ, kém ăn, rồi bỏ ăn, sốt cao 41 - 42°C kéo dài đến lúc gần chết, mắt viêm đỏ có dử, chảy nước mũi, miệng có loét phủ nhựa vàng ở lợi, chân răng, hầu; lợn thường bị ói mửa, thở khó, nhịp thở rối loạn. Lúc đầu táo bón sau đó tiêu chảy phân bết vào mông, đuôi mùi thối khắm có khi có máu tươi. Trên da có nhiều điểm xuất huyết lấm tẩm ở tai, mõm, bụng và 4 chân. Vào cuối kỳ bệnh, lợn bị bại 2 chân sau đi loạng choạng hoặc không đi được. Nếu ghép với các bệnh khác thì các triệu chứng trên trầm trọng hơn.

Thể mãn tính: Lợn tiêu chảy gầy yếu, lợn bệnh chết do kiệt sức, lợn có thể khỏi bệnh nhưng vẫn mang vi rút.

b) Bệnh tích:

Mổ khám bệnh tích ở thể cấp tính thấy có sự bại huyết, xuất huyết nặng ở các cơ quan nội tạng, amidan xuất huyết, có nốt loét ở đường tiêu hóa, niêm mạc miệng, lưỡi tụ máu, loét, dạ dày bị tụ huyết, xuất huyết thường nặng ở đường cong lớn, ở van hồi manh tràng xuất huyết có những vết loét hình cốc áo, có vòng tròn đồng tâm bờ vết loét cao phủ nhựa vàng. Phổi bị xuất huyết và tụ huyết. Tim bị xuất huyết ở mỡ vành tim, ở ngoại tâm mạc, gan bị tụ huyết xuất huyết, túi mật có những điểm xuất huyết. Lách có hiện tượng nhồi huyết ở rìa làm cho lách có hình răng cưa, thận có nhiều điểm xuất huyết lấm tẩm như đầu ghim ở vỏ thận và tủy thận, bễ thận ứ máu hoặc có cục máu, niêm mạc bàng quang bị tụ huyết, xuất huyết.

Trong trường hợp bệnh mãn tính thường thấy ở ruột có những vết loét lõm sâu, bờ cao phủ nhựa vàng, phổi có thể bị viêm dính vào lồng ngực.

Tuy nhiên, thực tế ở nước ta cho thấy bệnh thường ghép với một số bệnh khác nên triệu chứng và bệnh tích có thay đổi tùy theo ghép với bệnh nào. Mặt khác, do đã tổ chức tiêm phòng vắc xin nhiều năm, nên nhiều trường hợp không phát hiện đầy đủ các bệnh tích điển hình nêu trên.

Chương II

PHÒNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN

Điều 5. Tuyên truyền phòng, chống bệnh dịch tả lợn

1. Cục Thú y xây dựng nội dung và tổ chức thực hiện chương trình tuyên truyền phòng, chống bệnh dịch tả lợn. Hướng dẫn Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y) triển khai chương trình truyền thông ở địa phương.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các tổ chức đoàn thể thực hiện thông tin tuyên truyền tại địa phương theo nội dung tuyên truyền của cơ quan thú y.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng, cơ quan chuyên môn và các tổ chức đoàn thể thực hiện tuyên truyền phổ biến kiến thức về bệnh dịch tả lợn, tính chất nguy hiểm của bệnh và các biện pháp phòng chống tới người chăn nuôi, người buôn bán, giết mổ, vận chuyển, tiêu thụ trong từng thôn, xóm, xã, phường và thị trấn. Công tác thông tin tuyên truyền phải thực hiện thường xuyên, liên tục, đầy đủ để giúp người chăn nuôi hiểu đúng, đầy đủ và chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh, bao gồm:

- a) Áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi;
- b) Con giống đảm bảo rõ nguồn gốc, đạt tiêu chuẩn chất lượng; được tiêm phòng đầy đủ vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định;
- c) Tuyên truyền để người dân cam kết thực hiện “3 không”: không đầu khi lợn mắc bệnh, không bán chạy lợn bệnh, không vứt lợn chết bừa bãi;
- d) Tuyên truyền để người chăn nuôi từng bước thay đổi phương thức chăn nuôi, chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi theo hướng quy mô trang trại tập trung, công nghiệp, áp dụng các biện pháp an toàn sinh học.

Điều 6. Áp dụng chăn nuôi theo phương pháp an toàn sinh học

1. Người chăn nuôi phải thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học như sau:

- a) Vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi thường xuyên: mùa hè hàng ngày cọ rửa chuồng, máng ăn, máng uống;
- b) Sau khi xuất bán lợn, phải tổng tẩy uế, phun khử trùng tiêu độc chuồng trại, môi trường và để trống chuồng từ 5 - 7 ngày;

c) Lợn mới mua về phải nhốt riêng ít nhất 7 ngày để theo dõi lâm sàng cho đến khi chắc chắn lợn không có bệnh mới được nhập nuôi chung với đàn lợn cũ đang có;

d) Chăm sóc nuôi dưỡng tốt, hạn chế khách tham quan.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các ban, ngành hữu quan, tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn tại địa phương thực hiện theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 04/6/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Điều 7. Phòng bệnh bằng vắc xin

1. Chủ vật nuôi phải thực hiện việc tiêm phòng bắt buộc theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BNN ngày 13/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêm phòng bắt buộc vắc xin cho gia súc, gia cầm.

2. Tiêm phòng bệnh dịch tả lợn phải được thực hiện định kỳ mỗi năm 2 lần vào tháng 3 - 4 và tháng 9 - 10. Tiêm phòng bổ sung đối với lợn mới sinh, lợn chưa được tiêm trong thời gian tiêm định kỳ, tiêm nhắc lại đối với lợn hết thời gian miễn dịch. Việc sử dụng vắc xin phải theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

3. Tiêm phòng bệnh dịch tả lợn phải thực hiện như sau:

a) Đối với lợn con sinh ra từ lợn mẹ đã được tiêm phòng: tiêm cho lợn con từ 35 - 45 ngày tuổi;

b) Đối với lợn con sinh ra từ lợn mẹ chưa được tiêm phòng: Có thể tiêm cho lợn con 7 ngày tuổi, sau 3 tuần sau tiêm nhắc lại hoặc tiêm cho lợn con 14 ngày tuổi, sau 2 tuần sau tiêm nhắc lại.

c) Đối với lợn nái mang thai: tiêm phòng trong thời gian mang thai từ 30 - 85 ngày mang thai;

4. Các cơ sở chăn nuôi lợn giống, cơ sở chăn nuôi lợn quy mô tập trung (số lượng lợn nuôi từ 200 con trở lên) phải thực hiện giám sát huyết thanh sau tiêm phòng để bảo đảm đàn lợn được tiêm phòng có miễn dịch bảo hộ.

Điều 8. Thực hiện chủ động giám sát, phát hiện bệnh

1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn phải thực hiện giám sát lâm sàng đối với đàn lợn để chủ động phát hiện bệnh kịp thời: quan sát, phát hiện những triệu chứng lâm sàng, bệnh tích điển hình của lợn bệnh, lợn chết, những đặc điểm về dịch tễ học.

2. Cơ sở chăn nuôi lợn giống phải thực hiện giám sát sự lưu hành của vi rút dịch tả lợn, như sau:

a) Định kỳ kiểm tra huyết thanh để xác định trạng thái mang trùng ở lợn nái và lợn đực giống.

b) Khi phát hiện lợn nái và lợn đực giống mang trùng, phải thực hiện giết mổ bắt buộc dưới sự giám sát chặt chẽ của Cơ quan Thú y.

Điều 9. Kiểm dịch và kiểm soát vận chuyển

1. Chi cục Thú y thực hiện kiểm dịch lợn tại nơi xuất phát và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định đối với đàn lợn khỏe mạnh, đã được tiêm phòng vắc xin dịch tả lợn và còn thời gian miễn dịch bảo hộ.

2. Các trạm, chốt kiểm dịch động vật tại các đầu mối giao thông có nhiệm vụ kiểm soát, phát hiện vận chuyển lợn mắc bệnh, lợn từ vùng có dịch và xử lý các trường hợp vi phạm như sau:

a) Tiêu hủy lợn mắc bệnh;

b) Buộc cách ly lợn có nguồn gốc từ vùng có dịch trong trường hợp không có giấy chứng nhận kiểm dịch để theo dõi. Nếu lợn sốt, có triệu chứng của bệnh dịch tả lợn thì thực hiện tiêu hủy;

c) Buộc chủ hàng thực hiện kiểm dịch đối với lợn khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng của bệnh nhưng không có giấy chứng nhận kiểm dịch;

d) Đối với lợn có giấy chứng nhận kiểm dịch nơi xuất phát nhưng không hợp lệ thì tạm giữ để chủ hàng bổ sung hồ sơ;

đ) Xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Khi các tỉnh liền kề có dịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập trạm, chốt kiểm dịch tạm thời tại đầu mối giao thông theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kiểm soát việc vận chuyển lợn.

4. Vận chuyển qua biên giới:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý lợn nhập lậu;

b) Trạm kiểm dịch biên giới thường xuyên thực hiện khử trùng, tiêu độc mọi phương tiện vận chuyển qua cửa khẩu.

5. Chi cục Thú y phải kiểm soát lợn nhập vào tỉnh và xử lý nghiêm theo quy định đối với các trường hợp vi phạm, cụ thể: lợn nhập vào tỉnh không có giấy kiểm dịch; chưa tiêm phòng vắc xin dịch tả lợn; lợn không rõ nguồn gốc.

6. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về kiểm dịch vận chuyển bị xử phạt vi phạm hành chính và phải chịu mọi chi phí cho việc kiểm dịch, xử lý tiêu hủy lợn.

Chương III CHỐNG DỊCH

Điều 10. Khai báo và xử lý đối với ổ dịch đầu tiên

1. Chủ vật nuôi khi phát hiện lợn có triệu chứng lâm sàng của bệnh dịch tả lợn như: sốt cao, bỏ ăn hoặc ăn ít, mắt có ghèn, vùng da mỏng xuất huyết lấm chấm như muỗi đốt thì phải khai báo ngay với cơ quan thú y nơi gần nhất hoặc nhân viên thú y xã hoặc trưởng thôn, ấp; đồng thời cách ly ngay lợn mắc bệnh ra khu vực khác.

2. Khi nhận được thông báo nghi có lợn mắc bệnh dịch tả lợn, cán bộ thú y cơ sở phải báo cáo ngay với Trạm thú y huyện bằng điện thoại, sau đó phải báo cáo bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ chủ vật nuôi và các nội dung khác có liên quan gửi cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và cơ quan thú y cấp trên trực tiếp.

3. Trạm Thú y huyện: trong vòng 24 giờ sau khi nhận được thông báo của cán bộ thú y cơ sở hoặc chủ vật nuôi, phải cử cán bộ đến kiểm tra, xác minh và hướng dẫn chủ vật nuôi các biện pháp cách ly lợn mắc bệnh, vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

4. Trạm Thú y huyện lấy mẫu bệnh phẩm gửi xét nghiệm đối với những con vật đầu tiên mắc bệnh trong phạm vi huyện, đồng thời báo ngay cho cơ quan thú y cấp trên. Kỹ thuật lấy mẫu, bảo quản mẫu bệnh phẩm phải tuân thủ nghiêm ngặt hướng dẫn của Cục Thú y.

5. Trong trường hợp cần thiết, Chi cục Thú y đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện được ủy quyền ra quyết định tiêu hủy lợn trong ổ dịch mà không cần chờ kết quả xét nghiệm.

Điều 11. Chẩn đoán, xét nghiệm bệnh dịch tả lợn

1. Lấy mẫu chẩn đoán: Yêu cầu lấy bệnh phẩm thích hợp, gửi phòng thí nghiệm để chẩn đoán. Việc chẩn đoán phải được thực hiện nhanh chóng, kịp thời để giúp phòng, chống bệnh có hiệu quả. Phương pháp lấy mẫu bệnh phẩm được quy định như sau:

a) Đối với lợn chết: Lấy mẫu tổ chức là các hạch lâm ba, thận, phổi, lách, amidan, lách,... Kích thước mẫu tổ chức là: 1 x 1 x 0.5 cm;

b) Đối với lợn ốm:

Trường hợp bệnh chưa được 8 ngày: Lấy máu có chất chống đông (heparine, EDTA) khi con vật sốt cao 41°C - 42°C để xét nghiệm vi rút.

Trường hợp bệnh đã được trên 8 ngày (lợn chưa tiêm phòng vắc xin dịch tả lợn): Máu đựng trong ống nghiệm khô hoặc xiranh chất huyết thanh để xét nghiệm kháng thể kháng dịch tả lợn.

2. Bảo quản và gửi mẫu bệnh phẩm: Mẫu cần được gửi đến phòng thí nghiệm càng nhanh, càng tốt, chậm nhất là 03 ngày kể từ lúc lấy mẫu; mẫu được đựng trong lọ (dụng cụ chứa mẫu), bao gói, ghi chép thông tin mẫu, bảo quản ở nhiệt độ 4°C. Gửi mẫu kèm theo phiếu gửi mẫu ghi đầy đủ thông tin.

3. Xét nghiệm, chẩn đoán:

a) Chẩn đoán dựa theo quy luật dịch, tính chất dịch tễ, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán bằng trị liệu, chẩn đoán phân biệt với một số bệnh thường gặp và có khả năng nhầm lẫn với dịch tả lợn như: Đóng dấu lợn, Tụ huyết trùng, Phó thương hàn, Cúm lợn, Nhiệt thán ở lợn, Đậu lợn, Cảm nắng, Trúng độc, Suyễn...

b) Để xác định bệnh cần căn cứ vào kết quả xét nghiệm mẫu bệnh phẩm trong phòng thí nghiệm. Một số phương pháp chẩn đoán trong phòng thí nghiệm như: soi kính hiển vi điện tử, tiêm động vật thí nghiệm, phản ứng trung hòa trên thỏ, chẩn đoán bằng kháng thể huỳnh quang, phản ứng kết tủa khuếch tán trên thạch, phản ứng ngưng kết gián tiếp hồng cầu, ELISA, rRT-PCR.

Điều 12. Công bố dịch

1. Khi có đủ điều kiện công bố dịch theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh Thú y thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố dịch đồng thời công bố vùng bị uy hiếp, vùng đệm và áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi công bố dịch được quy định như sau:

- a) Dịch xuất hiện trên địa bàn xã thì công bố xã có dịch;
- b) Dịch xuất hiện ở 1/2 số xã trở lên thì công bố dịch toàn huyện;
- c) Dịch xuất hiện ở 1/2 số huyện trở lên thì công bố dịch toàn tỉnh.

Điều 13. Các biện pháp chống dịch

1. Đối với các địa phương lần đầu tiên có dịch tả lợn xuất hiện:

a) Khoanh vùng dịch: xã có dịch được xác định là vùng dịch; các xã tiếp giáp với xã có dịch được xác định là vùng bị dịch uy hiếp;

b) Chủ tịch UBND huyện huy động các lực lượng thú y, công an, quản lý thị trường và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan lập các trạm kiểm dịch, chốt kiểm dịch ở các trục giao thông chính xung quanh vùng có dịch và vùng bị dịch uy hiếp theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ tịch UBND cấp xã huy động các lực lượng thú y, công an, thanh niên xung kích, các tổ chức đoàn thể của địa phương tham gia chống dịch. Các biện pháp chống dịch cần tập trung vào những nội dung sau:

Giết mổ bắt buộc đối với lợn nghi mắc bệnh dịch tả lợn, bằng cách luộc chín thân thịt và tiêu hủy phủ tạng.

Cấm vận chuyển lợn mắc bệnh, sản phẩm chưa qua chế biến có nguồn gốc từ lợn, phân rác thải chăn nuôi ra khỏi vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp trong thời gian có dịch.

Đặt biển báo nơi có dịch tả lợn và hạn chế người không liên quan ra, vào vùng dịch; tiêu độc, khử trùng mọi phương tiện ra khỏi vùng có dịch.

Tiến hành kiểm tra toàn bộ các cơ sở chăn nuôi trong vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp nhằm phát hiện các trường hợp lợn bị bệnh; trong vòng 1-3 ngày tại phạm vi xã có dịch và các xã liền kề xung quanh cần lập danh sách thống kê các hộ, cơ sở chăn nuôi lợn và các hộ có lợn bị bệnh để giám sát.

Khẩn trương tiêm phòng vắc xin dịch tả lợn cho toàn bộ đàn lợn trong vùng dịch.

2. Đối với các địa phương đã từng có dịch tả lợn lưu hành, địa phương có dịch tả lợn lây lan ra diện rộng:

a) Đối với những đàn lợn chăn nuôi nhỏ lẻ, không áp dụng đầy đủ các biện pháp an toàn sinh học thì tiến hành giết mổ toàn đàn và xử lý chế biến chín để tiêu thụ tại chỗ có sự giám sát chặt chẽ của cơ quan thú y địa phương. Sau khi giết mổ cần phải thực hiện việc vệ sinh, tổng tẩy uế tiêu độc khử trùng nơi có lợn mắc bệnh, nơi giết mổ.

b) Đối với những cơ sở chăn nuôi có quy mô tập trung, theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp, các trang trại lớn có áp dụng được các biện pháp an toàn sinh học, thì xử lý như sau:

Tiêu hủy ngay toàn bộ số lợn mới mắc bệnh, lợn mới chết vì bệnh, lợn bệnh có triệu chứng điển hình của bệnh dịch tả lợn; giết mổ bắt buộc đối với những lợn nuôi cùng ô chuồng với lợn bệnh.

Giết mổ tại chỗ những lợn bị bệnh nhẹ (sốt nhẹ, có các biểu hiện lâm sàng về hô hấp) hoặc lợn còn khỏe mạnh, xử lý chế biến trước khi tiêu thụ nhằm tránh phát tán mầm bệnh. Trường hợp giết mổ nhiều lợn tại một thời điểm, cơ quan thú y địa phương tư vấn với chính quyền cơ sở chỉ định địa điểm giết mổ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, để tiêu độc khử trùng, tránh làm phát tán mầm bệnh, đồng thời cử cán bộ thú y giám sát việc giết mổ.

Đối với các trường hợp mang trùng, xử lý giết mổ bắt buộc có giám sát của cơ quan thú y; không tiếp tục khai thác đối với lợn nái, lợn đực mang trùng, đồng thời thực hiện tiêu độc, vệ sinh khử trùng triệt để toàn bộ khu vực có lợn bệnh và các khu vực xung quanh.

Đối với những lợn khỏe mạnh trong cùng đàn mà không giết mổ thì phải được nuôi cách ly triệt để; chăm sóc, bổ sung dinh dưỡng và khoáng chất, các loại vitamin nhằm tăng cường sức đề kháng phòng bệnh.

Tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng vùng dịch, nơi có lợn ốm, nơi giết mổ để tránh làm phát tán lây lan mầm bệnh.

Khoanh vùng, lập các chốt kiểm dịch, kiểm tra việc vận chuyển buôn bán lợn, sản phẩm của lợn từ vùng có dịch ra ngoài vùng chưa có dịch.

c) Đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung không có lợn mắc bệnh nhưng nằm trong vùng dịch (thôn, ấp có dịch), mà đảm bảo vệ sinh an toàn sinh học hoặc đã tiêm vắc xin phòng dịch tả lợn còn miễn dịch thì được phép vận chuyển ra khỏi vùng dịch, đến thẳng lò giết mổ được chỉ định trước. Lợn phải được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không làm rơi vãi chất thải (phân, nước tiểu) trên đường đi; không được dừng nghỉ trên đường vận chuyển. Phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc kỹ trước khi rời khỏi lò mổ;

d) Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn giống ở bất cứ quy mô nào: nếu phát hiện có lợn bệnh trong cơ sở phải tổ chức tiêu hủy lợn mắc bệnh nặng, giết mổ bắt buộc đối với những con bệnh nhẹ. Lợn chưa bị bệnh phải được chăm sóc nuôi dưỡng tốt để chuyển sang mục đích nuôi thương phẩm. Không khai thác và sử dụng tinh dịch của lợn đực giống đã bị nhiễm bệnh;

đ) Tiêm bao vây xung quanh ổ dịch, sau đó tiêm thẳng vắc xin vào ổ dịch với mục đích nhằm nhanh chóng bao vây và dập tắt ổ dịch, con ốm phát bệnh, con khỏe có miễn dịch.

3. Xử lý đối với các đàn có lợn mắc bệnh, chết:

a) Khi dịch còn ở diện hẹp: Tiến hành tiêu hủy ngay số lợn mới mắc bệnh trên cơ sở triệu chứng bệnh tích mà không chờ kết quả xét nghiệm;

b) Trường hợp dịch xảy ra diện rộng: nhiều hộ gia đình có lợn bệnh và nhiều lợn mắc bệnh thì tiêu hủy những lợn bị mắc bệnh nặng, những lợn mắc bệnh nhẹ xử lý như sau:

Lợn có trọng lượng < 20 kg phải tiêu hủy bằng cách chôn hoặc đốt.

Lợn có trọng lượng > 20 kg phải giết mổ bắt buộc và thịt có thể sử dụng làm thực phẩm sau khi luộc chín. Phũ tạng và các sản phẩm khác phải tiêu hủy;

c) Tiến hành vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi, lối ra vào, khu vực tập trung lợn phải tiêu hủy, khu vực tiêu hủy hoặc chôn lấp lợn. Những người tham gia quá trình xử lý, tiêu hủy lợn phải thực hiện việc vệ sinh, tắm rửa để tiêu diệt mầm bệnh, tránh làm phát tán mầm bệnh ra các địa điểm khác;

d) Việc tiêu hủy, chôn lấp lợn bệnh cần thực hiện như sau:

Làm chết lợn trước khi tiêu hủy bằng điện hoặc phương pháp khác (nếu có), cho lợn vào bao tải, buộc chặt miệng bao, tập trung một chỗ để phun thuốc sát trùng trước khi vận chuyển đến hố chôn.

Hố chôn phải nằm ngay trong vùng dịch, nhưng phải cách nhà dân, giếng nước, khu chuồng nuôi từ 30-100m, có đủ diện tích; nên chọn nơi chôn trong vườn cây (cây ăn quả hoặc lấy gỗ). Hố chôn phải đủ rộng phù hợp với số lợn, chất thải cần chôn. Ví dụ nếu cần chôn 01 tấn lợn (15-30 con lợn) thì hố chôn cần có kích thước là sâu 1,5 - 2m x rộng 1,5 - 2m x dài 1,5 - 2m.

Trình tự chôn: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố (1kg/m²), đổ bao chứa xác lợn xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên và lấp đất; phải đảm bảo rằng lớp đất phủ lên xác lợn phải dày ít nhất là 1m. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

4. Biện pháp xử lý đối với các đàn chưa có bệnh, vùng chưa có dịch

a) Đối với những đàn lợn chăn nuôi nhỏ lẻ:

Khuyến khích việc giết mổ, tiêu thụ tại chỗ đối với những đàn này.

Áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học và thường xuyên vệ sinh tiêu độc môi trường, khu vực chăn nuôi.

b) Đối với những cơ sở chăn nuôi lợn thịt quy mô tập trung:

Áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học và thường xuyên vệ sinh tiêu độc môi trường, khu vực chăn nuôi.

Tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng, nâng cao sức đề kháng cho lợn.

Những cơ sở đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, có áp dụng các biện pháp an toàn sinh học, đã tiêm vắc xin phòng bệnh dịch tả lợn và còn miễn dịch thì được phép vận chuyển ra khỏi vùng dịch, đến thẳng lò giết mổ được chỉ định trước để giết mổ. Lợn phải được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không làm rơi vãi chất thải (phân, nước tiểu) trên đường đi; không được dừng nghỉ trên đường vận chuyển. Phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc kỹ trước khi rời khỏi cơ sở chăn nuôi và từ lò giết mổ.

c) Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn nái, lợn đực giống: Trong bất kỳ trường hợp nào, không được phép vận chuyển lợn giống ra khỏi cơ sở chăn nuôi, vùng đang có bệnh dịch tả lợn lưu hành và đang gây thành dịch. Cần thực hiện theo dõi, giám sát chặt chẽ đàn lợn cho đến khi có quyết định công bố hết dịch trên địa bàn mới được phép vận chuyển đi địa phương khác; tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng cho đàn lợn.

Điều 14. Công bố hết dịch và chăn nuôi trở lại ở các cơ sở đã có dịch xảy ra

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố hết dịch khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tất cả lợn trong diện phải tiêm phòng thuộc vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp đã được tiêm vắc xin phòng bệnh dịch tả lợn và đã có miễn dịch;

b) Đã qua 21 ngày kể từ ngày con lợn cuối cùng bị chết, bị giết mổ bắt buộc hoặc bị tiêu hủy, không có con lợn nào khác bị mắc bệnh hoặc bị chết vì bệnh dịch tả lợn;

c) Đã thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc 2 lần/tuần liên tục trong 2 tuần đối với hộ chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi đã bị dịch, vùng có dịch;

d) Chi cục Thú y kiểm tra xác nhận đã đủ điều kiện công bố hết dịch theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này và có văn bản đề nghị công bố hết dịch.

2. Điều kiện chăn nuôi trở lại:

- a) Đã thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;
- b) Để trống chuồng trong thời gian tối thiểu là 21 ngày. Trước khi nuôi trở lại, cơ sở chăn nuôi phải được vệ sinh, phun thuốc tiêu độc khử trùng trước khi nuôi;
- c) Lợn đưa vào nuôi trở lại phải biết rõ nguồn gốc, đã được tiêm vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm của lợn theo quy định;
- d) Sau khi nuôi trở lại, cần phải giám sát chặt chẽ, liên tục trong vòng 40 ngày (theo quy trình giám sát của OIE) để đề phòng mầm bệnh tái xuất hiện và gây bệnh trở lại.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15 . Trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở Trung ương

1. Trách nhiệm của Cục Thú y

- a) Xây dựng Chương trình quốc gia về phòng, chống bệnh dịch tả lợn, để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình ở các địa phương;
- b) Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giám sát bệnh dịch tả lợn ở các địa phương;
- c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra trên phạm vi toàn quốc về công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân ở địa phương

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp tỉnh

- a) Chỉ đạo ngành thú y, các cấp, các ngành có liên quan xây dựng Chương trình phòng, chống bệnh và xây dựng vùng, cơ sở an toàn bệnh dịch tả lợn tại địa phương;
- b) Củng cố, tăng cường cho hệ thống thú y cấp tỉnh, cấp huyện, đặc biệt là mạng lưới thú y xã, phường có đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, được trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị để thực thi nhiệm vụ. Các địa phương chưa có mạng lưới thú y xã, phường thì thực hiện Công văn số 1569/TTg-NN ngày 19/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ phụ cấp cho thú y xã, phường, Thông tư liên Bộ số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

c) Chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan chuyên môn và các tổ chức đoàn thể tại địa phương thường xuyên triển khai công tác thông tin tuyên truyền phòng chống bệnh dịch tả lợn;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch, công bố hết dịch dịch tả lợn trên địa bàn của tỉnh theo quy định; quyết định tiêu hủy lợn mắc bệnh dịch tả lợn hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tiêu hủy.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng chương trình phòng, chống bệnh dịch tả lợn của tỉnh và kế hoạch hàng năm trên cơ sở Chương trình phòng, chống bệnh dịch tả lợn cấp quốc gia;

b) Chỉ đạo Chi cục Thú y xác định vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng có nguy cơ cao với bệnh dịch tả lợn;

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra công tác phòng chống bệnh dịch tả lợn của tỉnh.

3. Trách nhiệm của Chi cục Thú y

a) Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai và kiểm tra công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn trên địa bàn tỉnh, thành phố;

b) Hướng dẫn chuyên môn về các biện pháp phòng chống bệnh, tổ chức triển khai giám sát dịch bệnh dịch tả lợn, thực hiện chế độ báo cáo đột xuất khi có dịch xảy ra, báo cáo về công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn về Cục Thú y một năm 2 lần vào 30/6 và 30/12 hàng năm về các nội dung tổng đàn lợn, kết quả tiêm phòng, tình hình bệnh dịch tả lợn (nếu có), công tác giám sát bệnh dịch tả lợn;

c) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ động phối hợp với Cơ quan Thú y vùng, Trung tâm Chẩn đoán Thú y Trung ương thuộc Cục Thú y xây dựng chương trình giám sát dịch đối với đàn lợn giống, đặc biệt tại các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn hoặc các gia trại, trang trại chăn nuôi tập trung, khu vực có nguy cơ cao, có ổ dịch cũ;

d) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự trù kinh phí quản lý giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh tả lợn tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh cấp huyện. Trưởng Ban do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân. Phó trưởng ban do lãnh đạo Phòng Nông nghiệp hoặc Phòng Kinh tế, Trạm Thú y huyện;

b) Thành lập đội chuyên trách phòng chống bệnh dịch tả lợn (kinh phí lấy từ ngân sách phòng, chống dịch của địa phương);

c) Phối hợp với Chi cục Thú y chỉ đạo các Trạm Thú y huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn trên địa bàn huyện;

d) Huy động lực lượng phục vụ công tác phòng chống bệnh, đặc biệt công tác tiêm phòng, tiêu hủy, xử lý lợn mắc bệnh;

đ) Cấp ngân sách địa phương cho công tác phòng chống dịch của huyện.

5. Trách nhiệm của Phòng Nông nghiệp hoặc Phòng Kinh tế, Trạm Thú y

a) Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác phòng chống bệnh dịch tả lợn tại huyện;

b) Hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp phòng chống đến tận xã, thôn;

c) Báo cáo kịp thời nhu cầu về kinh phí, vật tư hóa chất, vắc xin, lao động, cho Ủy ban nhân dân huyện và Chi cục Thú y.

d) Hàng tháng báo cáo công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn về Chi Cục Thú y với các nội dung: số lợn, kết quả tiêm phòng, tình hình bệnh dịch tả lợn (nếu có) của các huyện.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban với sự tham gia của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và cán bộ thú y;

b) Bố trí tổ chuyên môn để hướng dẫn kỹ thuật, thường trực và tổng hợp tình hình dịch bệnh, kết quả tiêm phòng;

c) Chỉ đạo trưởng thôn trực tiếp kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh; phối hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức đoàn thể khác) vận động nhân dân giám sát và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch. Mỗi thôn tổ chức ký cam kết thực hiện “3 không”;

Thành lập đội xung kích chống dịch, gồm: dân quân tự vệ, thanh niên, cán bộ thú y, công an để tiêu hủy, xử lý lợn bị bệnh, vệ sinh tiêu độc khử trùng, giám sát người ra vào ổ dịch, trực gác tại các chốt kiểm dịch động vật.

b) Nhân viên thú y xã

Giám sát phát hiện bệnh dịch tả lợn đến tận hộ chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi trên địa bàn xã và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân xã và Trạm Thú y huyện;

Trực tiếp tham gia công tác phòng chống bệnh, trực tiếp tiêm phòng vắc xin;

Trực tiếp tham gia trong giám sát kinh phí hỗ trợ phòng chống bệnh dịch tả lợn.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ vật nuôi

1. Đảm bảo điều kiện chăn nuôi về địa điểm, chuồng trại, con giống, thức ăn, nước uống, vệ sinh, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về thú y.

2. Khi nghi ngờ lợn mắc bệnh phải báo ngay cho nhân viên thú y hoặc Trưởng thôn.

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống bệnh dịch tả lợn theo thông tư này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký;

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Diệp Kinh Tân